

Hãy làm như tôi nói, chớ làm như tôi làm

Những điều kiện không công bằng cho việc gia nhập WTO của Việt Nam

Vào lúc Việt Nam bắt đầu năm thứ mười và có lẽ là năm cuối cùng của quá trình đàm phán gia nhập WTO, một số thành viên WTO rắp tâm sử dụng quyền lực để mở cửa thị trường Việt Nam, thậm chí để bán phá giá nông sản dư thừa của họ. Quốc gia thu nhập thấp này đang bị ép phải đưa ra những cam kết “WTO-cộng” (cao hơn những yêu cầu đối với các thành viên hiện hữu) như là cái giá để trở thành thành viên WTO. Điều này đe dọa thành công của Việt Nam trong sự nghiệp giảm nghèo. Các nước giàu cần nhìn xa hơn lợi ích thương mại ngắn hạn để cho phép Việt Nam gia nhập WTO trên những điều kiện có lợi cho phát triển.

Tổng luận

Năm 2005, năm thứ mười đàm phán gia nhập WTO, Việt Nam hy vọng chính thức trở thành thành viên WTO. Sau 15 năm thực thi các cải cách pháp lý, thể chế và kinh tế, cùng với tự do hóa thương mại quốc tế từng bước, Việt Nam đã đạt được sự ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế vững chắc, và giảm một nửa tỷ lệ nghèo từ 58 phần trăm năm 1993 xuống còn 29 phần trăm năm 2002. Tuy nhiên, vẫn còn một số đáng kể người Việt Nam sống trong cảnh khó khăn. Một bộ phận lớn nhân dân chỉ có thu nhập trên ngưỡng nghèo một chút và dễ bị rơi xuống dưới mức nghèo khi có những chấn động kinh tế từ bên ngoài.

Một thoả thuận gia nhập WTO không tốt có thể làm cho tăng trưởng kinh tế trong tương lai mang lại ít lợi ích hơn cho các khu vực nghèo hơn, và có thể kéo theo một sự tái cơ cấu kinh tế gây mất sinh kế trên quy mô đáng lo ngại. Các nước thành viên của Ban Công tác WTO, nhất là các nước công nghiệp phát triển, đưa ra những đòi hỏi WTO-cộng (cao hơn những yêu cầu đối với các thành viên hiện hữu) ngay cả trong những lĩnh vực nhạy cảm, như nông nghiệp, nơi 90 phần trăm người nghèo Việt Nam sinh sống và làm việc.

Cuộc họp sắp tới của Ban Công tác WTO sẽ thảo luận và xem xét lại Báo cáo Dự thảo về những điều kiện gia nhập (của Việt Nam), có thể diễn ra trong tháng Năm hoặc tháng Sáu năm nay. Nay là lúc các nhà thương thuyết Việt Nam tập trung vào những gì họ cần phải giành được trong tiến trình đàm phán gia nhập chứ không phải nhân nhượng trước sức ép bên ngoài để chịu thêm những cam kết WTO-cộng. Quan trọng hơn, các thành viên Ban Công tác cần nhìn xa hơn lợi ích thương mại ngắn hạn và trên tinh thần của Vòng Doha, cho phép Việt Nam gia nhập WTO trên những điều kiện có lợi cho sự nghiệp phát triển.

Những mối đe dọa trước mắt

Báo cáo Dự thảo về việc gia nhập của Việt Nam đã được duyệt lại trong phiên họp của Ban Công tác vào tháng Chạp 2004. Báo cáo chứa đựng nhiều bằng chứng là các thành viên WTO đang tiếp tục thúc ép Việt Nam nhất trí với một gói gia nhập WTO-cộng toàn diện có khả năng gây ra những hậu quả nặng nề đối với sự phát triển của quốc gia này.

Việt Nam không chỉ vật lộn gay go trên đấu trường đa phương mà còn phải thương thảo dưới nhiều sức ép với từng thành viên, trong đó những đòi hỏi WTO-cộng là rất phổ biến. Các cuộc đàm phán song phương gắn với vấn đề gia nhập WTO cần phải minh bạch hơn, cho phép các nước xin gia nhập tìm kiếm tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật cho những đòi hỏi mà họ phải tuân thủ.

Bất chấp tầm quan trọng của canh tác nông nghiệp đối với người nghèo nông thôn, Việt Nam đang bị khước từ quyền điều tiết nhập khẩu nông nghiệp và điều tiết tình trạng nhập khẩu tăng vọt sau gia nhập, cho dù những điều đó có khả năng phá hủy sinh kế của hàng chục ngàn gia đình nghèo. Được biết, ngoài các cam kết giảm thuế, dưới sự dẫn dắt của Hoa Kỳ, Ôttrâyliya và Niu Dilân, các nước thành viên WTO đang yêu cầu Việt Nam từ bỏ việc sử dụng Hạn ngạch Thuế suất (Tariff Rate Quotas – TRQs) và các biện pháp Tự vệ Đặc biệt WTO (WTO Special Safeguard – SSG) hiện hành

cũng như Cơ chế Tự vệ Đặc biệt (Special Safeguard Mechanism – SSM) mới và các qui định về Sản phẩm Đặc biệt đang được thương lượng trong Vòng Doha. Các sản phẩm có tầm quan trọng đặc biệt đối với nông dân nghèo bao gồm đường, ngô, và một số sản phẩm động vật. Nông dân trồng ngô và mía đường đặc biệt chịu bất trắc từ nhập khẩu giá rẻ do những sản phẩm này được trợ cấp rất cao của Hoa Kỳ và EU. Các trang trại trồng ngô ở Mỹ được trợ cấp mỗi năm tới 10 tỷ USD, còn nông dân sản xuất đường của EU hàng năm được hỗ trợ ngầm là 833 triệu Euro cho hàng xuất khẩu mà trên danh nghĩa là không được trợ cấp.

Hoa Kỳ, Ôttrâyliya và Niu Dilân đang yêu cầu Việt Nam bỏ trợ cấp xuất khẩu khi gia nhập WTO, trong khi các thành viên WTO, bao gồm cả Hoa Kỳ, EU và một số nước đang phát triển không phải tuân theo nghĩa vụ này và vẫn tiếp tục trợ cấp xuất khẩu. Xét thực tế là các nước phát triển chỉ vừa mới đồng ý bỏ trợ cấp xuất khẩu nông sản theo một khung thời gian còn chưa thỏa thuận, việc Việt Nam yêu cầu một thời gian ba năm để bỏ các khoản trợ cấp cần được chấp nhận mà không phải thương lượng gì thêm. Cũng nên nhớ lại Hiệp định khung sơ bộ tháng Bảy 2004 của WTO đã tuyên bố rõ: “Các thành viên là các quốc gia đang phát triển sẽ được lợi nhờ thời kỳ quá độ để tiến hành dỡ bỏ mọi hình thức trợ cấp xuất khẩu được kéo dài hơn”.

Một số thành viên Ban Công tác chất vấn sự tương thích tư cách thành viên WTO của Việt Nam với việc nước này kiểm soát xuất khẩu gạo, bao gồm cả việc điều tiết các công ty xuất khẩu gạo của nước ngoài trong những trường hợp khẩn cấp quốc gia. Việc quản lý xuất khẩu gạo có ý nghĩa sống còn đối với an ninh lương thực của nhiều người Việt Nam. Gạo chiếm tới 90 phần trăm tổng sản xuất lương thực của Việt Nam; 60 phần trăm đất nông nghiệp là dành cho sản xuất lúa, và hai phần ba số hộ gia đình canh tác loại ngũ cốc này. Các biện pháp hiện hành không nên bị gián đoạn sau khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO.

Trong lúc các cuộc đàm phán về dệt may vẫn còn để mở, dường như đã có sự chuẩn bị là sau khi gia nhập 10 năm mới bỏ chế độ hạn ngạch đối với Việt Nam. EU đã đồng ý xóa bỏ hạn ngạch hàng dệt may cho Việt Nam năm 2005, nhưng Hoa Kỳ vẫn không khoan nhượng. Do Hoa Kỳ và EU chiếm tới 70 phần trăm kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may hàng năm của Việt Nam, việc thị trường Hoa Kỳ tiếp tục áp đặt hạn ngạch sau gia nhập sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tăng trưởng của một trong những ngành công nghiệp xuất khẩu có sức cạnh tranh nhất của đất nước, có tiềm năng tăng cơ hội việc làm cho nam nữ lao động Việt Nam. Việt Nam cần được hưởng lợi hoàn toàn từ việc chấm dứt ngay chế độ hạn ngạch hàng dệt may, bởi chế độ này đã được dỡ bỏ cho tất cả các quốc gia thành viên khác vào cuối năm 2004.

Mức thuế công nghiệp trung bình mà Việt Nam đưa ra gần đây nhất là 17 phần trăm không nên bị hạ thấp hơn nữa. Là một nước đang phát triển, Việt Nam cần có khả năng quyết định hạng mục thuế quan nào sẽ cam kết hạ xuống và hạ ở mức nào để bảo đảm các lĩnh vực chưa sẵn sàng cho tự do hóa có thể nhận được một mức độ bảo hộ nào đó và sẽ tuân tự tự do hóa phù hợp với các ưu tiên phát triển.

Các thành viên WTO cũng cho rằng những khuyến khích đầu tư đối với các doanh nghiệp hoạt động ở các vùng khó khăn là trợ cấp xuất khẩu và do đó phải được dỡ bỏ sau khi gia nhập. Những khuyến khích đó thật ra lại là nguồn sống của các vùng hẻo lánh và nghèo nhất của Việt Nam, tại đó các doanh nghiệp hoạt động trong những điều kiện cực kỳ khó khăn. Những

khuyến khích đó cần được cho phép trong gói gia nhập dựa trên quan điểm chúng là những trợ cấp không dẫn đến hành động (non-actionable subsidies) cho phát triển vùng.

Đòi hỏi tuân thủ ngay lập tức các hiệp định WTO như Hiệp định về Các biện pháp Vệ sinh và Kiểm dịch động thực vật (SPS) như một số thành viên nêu ra, sẽ đặt ra cho Việt Nam một gánh nặng về tài chính và kỹ thuật. Việt Nam cần được giúp đỡ về kỹ thuật để thực thi các yêu cầu đó nhằm đạt tới các tiêu chuẩn cao hơn và có khả năng dàn trải những chi phí thực thi.

Tư cách nền kinh tế phi thị trường (NME) của Việt Nam dường như sẽ trở thành một tiêu điểm của đàm phán gia nhập kể từ giờ trở đi. Việt Nam đã đồng ý với công cụ tự vệ trong trường hợp “rối loạn thị trường” tại hiệp định thương mại song phương với Hoa Kỳ, tương tự như “tự vệ quá độ cụ thể cho sản phẩm” mà Trung Quốc đã nhất trí, theo đó hàng hóa của Trung Quốc sẽ bị chặn lại nếu gây ra hoặc có khả năng gây ra rối loạn thị trường cho các nhà sản xuất nội địa Hoa Kỳ. Các thành viên đã yêu cầu Việt Nam làm rõ xem những điều khoản này sẽ được áp dụng như thế nào đối với các thành viên khác của WTO. Nếu công cụ tự vệ ấy được đồng ý, tiềm năng của các ngành công nghiệp chế tạo đang tăng trưởng của Việt Nam, như ngành dệt may, và theo đó là cơ hội việc làm của hàng ngàn công nhân Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng rất lớn. Các thành viên Ban công tác không nên gộp các điều khoản kinh tế phi thị trường làm hạn chế các quyền Tối huệ quốc (MFN) vào các điều kiện gia nhập của Việt Nam.

Ngày càng có thêm nhiều bằng chứng về những yêu cầu đối với Việt Nam mà những yêu cầu này vượt quá Hiệp định WTO về Các quyền Sở hữu Trí tuệ Liên quan đến Thương mại (TRIPs). Những yêu cầu như là phải trở thành thành viên của Công ước Quốc tế năm 1991 về Bảo vệ Các giống cây mới sẽ đe dọa an ninh lương thực. Hơn nữa, việc bắt buộc phải có những dữ liệu trắc nghiệm lâm sàng cho các loại dược phẩm sẽ làm chậm việc đưa các thể phẩm tương đương vào sản xuất. Các thành viên cần chấm dứt việc sử dụng các cuộc đàm phán gia nhập để cưỡng chế bảo hộ bằng sáng chế mà không chú ý đến những vấn đề phát triển.

Cuối cùng, với những cam kết tự do hóa hết sức rộng rãi mà Việt Nam đã đưa ra trong quá trình thương lượng gia nhập, Việt Nam không nên bị ép buộc phải cam kết hơn nữa khi trở thành thành viên của WTO. Các điều khoản hiện hành trong Khung tháng Bảy 2004 nói rõ rằng những mối quan ngại riêng biệt của các thành viên mới được kết nạp sẽ được giải quyết một cách hiệu quả thông qua những điều khoản linh hoạt cụ thể. Văn kiện này cần đi xa hơn: những nước có thu nhập thấp và những nước kém phát triển (LDC) mới được kết nạp cần được miễn không phải cam kết hơn nữa theo Vòng đàm phán Doha.

Khuyến nghị

Các thành viên WTO nên ngừng đưa ra những điều kiện nặng nề WTO-cộng trong đàm phán với Việt Nam mà những điều kiện này có thể tác động tiêu cực đến đời sống của dân nghèo Việt Nam. Oxfam tin rằng gói gia nhập cần bao gồm các yếu tố sau:

- Thuế nông nghiệp không nên bị trói buộc ở mức bình quân thấp hơn 25 phần trăm, là mức chào mới nhất của Việt Nam, một mức đã đe dọa sinh kế của nông dân và công nhân nông thôn.
- Việt Nam cần có khả năng sử dụng tất cả các công cụ dành cho các nước đang phát triển là thành viên WTO để bảo hộ khu vực nông nghiệp dễ bị tổn thương. Các biện pháp đó bao gồm Hạn ngạch thuế suất (TRQ), điều khoản Tự vệ Đặc biệt (SSG) hiện hành của WTO và các điều khoản mới đang thương lượng tại WTO (Cơ chế Tự vệ Đặc biệt và Sản phẩm Đặc biệt).
- Khi được kết nạp, Việt Nam cần có khả năng duy trì kiểm soát xuất khẩu gạo hiện hành tương thích với WTO để bảo vệ an ninh lương thực.
- Không nên đòi hỏi Việt Nam phải đưa ra các cam kết về quy mô và thời gian giảm hỗ trợ nội địa và trợ cấp xuất khẩu, cho cả sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm công nghiệp, cao hơn mức mà các nước đang phát triển trong WTO đã cam kết hoặc mức đã được nhất trí trong các cuộc đàm phán WTO hiện hành. Cụ thể hơn là những khuyến khích đầu tư đối với các doanh nghiệp hoạt động ở những vùng khó khăn cần được cho phép dựa trên quan điểm đó là những trợ cấp không dẫn đến hành động cho phát triển vùng.
- Thuế công nghiệp không nên bị trói buộc ở mức trung bình thấp hơn 17 phần trăm là mức chào mới nhất của Việt Nam, một mức có thể làm mất việc làm trong khu vực chế tạo.
- Hoa Kỳ cần dỡ bỏ hạn ngạch đối với hàng dệt may của Việt Nam khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO, vì chế độ hạn ngạch này đã được xóa bỏ cho tất cả các quốc gia thành viên khác vào cuối năm 2004.
- Không nên đòi hỏi Việt Nam phải từ bỏ các công cụ chính sách có khả năng tăng cường tác động phát triển của đầu tư nước ngoài, như yêu cầu chuyển giao công nghệ.
- Đòi hỏi tuân thủ ngay lập tức các hiệp định WTO như Hiệp định về Các biện pháp Vệ sinh và Kiểm dịch Động thực vật (SPS), Rào cản Kỹ thuật đối với Thương mại và Định giá Hải quan phải được gắn với việc cung cấp hỗ trợ kỹ thuật để kéo dẫn chi phí thực thi và xây dựng năng lực kỹ thuật cần thiết.
- Các thành viên Ban công tác không nên gộp các điều khoản kinh tế phi thị trường khả dĩ hạn chế các quyền Tối huệ quốc (MFN).
- Các điều khoản WTO-cộng về sở hữu trí tuệ và tự vệ thương mại trong hiệp định thương mại song phương Việt Nam-Hoa Kỳ không nên trở thành bộ phận của gói gia nhập.

Trong tình hình có nhiều quan ngại đối với các cuộc đàm phán gia nhập WTO của Việt Nam và những trải nghiệm khác nghiệt của các nước mới gia nhập gần đây, Oxfam tin rằng tiến trình gia nhập nên được kết cấu lại như sau:

- WTO cần đưa ra những hướng dẫn rõ ràng liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của các thành viên mới, dựa trên các chỉ số phát triển khách quan.

- Các nước đang phát triển xin gia nhập cần được hưởng sự “đối xử đặc biệt và khác biệt” trong các Hiệp định WTO dành cho các thành viên là quốc gia đang phát triển.
- Một panen (ban hoặc đoàn) chuyên gia sẽ quyết định liệu chế độ thương mại của quốc gia xin gia nhập có tương thích với các luật lệ hiện hành của WTO hay không, và khi nào thì điều khoản “kinh tế phi thị trường” đối với các nước xin làm thành viên sẽ được xoá bỏ.
- Các cam kết WTO-cộng đã được nhất trí trong các hiệp định thương mại song phương có thể đe dọa tới phát triển không nên được nghiêm nhiên “đa phương hóa” trong các gói đàm phán gia nhập.
- Các nước có thu nhập thấp và các nước kém phát triển mới gia nhập cần được miễn không phải cam kết hơn nữa theo Vòng đàm phán Doha.
- Các đàm phán song phương liên quan đến việc gia nhập WTO cần minh bạch hơn, cho phép các nước xin gia nhập tìm kiếm tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật để đáp ứng được những đòi hỏi đối với nước đó.

1. Dẫn đề

Từ tháng Giêng 1995, Việt Nam đã thương thảo việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) với một số quốc gia hùng mạnh nhất trên thế giới. Việt Nam hy vọng đạt được tư cách thành viên chính thức vào dịp Hội nghị Bộ trưởng WTO tại Hồng Kông vào tháng Chạp 2005. Vấn đề có ý nghĩa quyết định là liệu Việt Nam có đạt được một gói gia nhập thuận lợi cho sự nghiệp phát triển hay không.

Gia nhập WTO là một quá trình cực kỳ khó khăn, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển có thu nhập thấp như Việt Nam, những nước luôn tìm cách bảo vệ sinh kế của những bộ phận dân chúng nghèo hơn. Các thành viên WTO lập thành Ban Công tác (Working Party) để đàm phán gia nhập luôn đòi hỏi các nước xin làm thành viên phải chịu những nhượng bộ vượt xa những cam kết của các thành viên hiện hữu và cao hơn những đòi hỏi của luật lệ WTO. Những điều khoản, gọi là WTO-cộng, chẳng chú ý mấy đến những quan tâm phát triển chính đáng của các nước xin gia nhập. Đáng buồn thay, Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ của tiến trình này.

Chính phủ Việt Nam đã cam kết giảm nghèo và đã đạt được những tiến bộ lớn lao trong 15 năm qua. Từ đầu những năm 1990, với việc thực thi các cải cách pháp lý, thể chế và kinh tế, cùng với tự do hóa thương mại quốc tế từng bước, Việt Nam đã đạt được ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng sản lượng bình quân hàng năm trên đầu người là 6 phần trăm, và giảm một nửa tỷ lệ nghèo từ 58 phần trăm năm 1993 xuống còn 29 phần trăm năm 2002.¹

Tuy nhiên, bất chấp thành công đó, Việt Nam vẫn là một quốc gia có thu nhập thấp với GDP trên đầu người là 435 USD. Một số lượng đáng kể người dân Việt Nam vẫn sống trong gian khổ và hơn một phần tư trẻ em dưới năm tuổi thuộc diện thiếu dinh dưỡng. Một bộ phận lớn dân chúng chỉ có thu nhập trên ngưỡng nghèo một chút và dễ bị rơi xuống dưới mức nghèo khi có những chấn động kinh tế từ bên ngoài.² Một thoả thuận gia nhập không tốt có thể làm cho tăng trưởng kinh tế tương lai ít có lợi hơn cho các khu vực nghèo hơn, và có thể kéo theo một sự tái cơ cấu kinh tế gây mất sinh kế trên quy mô đáng lo ngại.

Tại phiên họp tháng Chạp 2004 của Ban Công tác, Báo cáo Dự thảo (Draft Report) đã sửa đổi của Ban Công tác về việc gia nhập của Việt Nam đã được xem xét.³ Được biết, trong lúc Việt Nam bấy nay vẫn cố gắng lại được sức ép phải nhượng bộ hơn nữa, nhất là về cắt giảm

thuế hàng hóa và tự do hóa hơn nữa trong lĩnh vực dịch vụ, thì nay có nhiều bằng chứng cho thấy các thành viên WTO tiếp tục thúc ép Việt Nam phải nhất trí với một gói gia nhập WTO-cộng toàn diện có khả năng gây ra những hậu quả nặng nề đối với sự phát triển của đất nước và đối với đời sống của những người nghèo, nam cũng như nữ.

Cuộc họp sắp tới của Ban Công tác sẽ thảo luận và xem xét lại Báo cáo Dự thảo về những điều kiện gia nhập (của Việt Nam), có thể diễn ra vào tháng Năm hoặc tháng Sáu năm nay. Nay là lúc các nhà thương thuyết Việt Nam tập trung vào những gì họ cần phải giành được trong tiến trình đàm phán gia nhập chứ không phải nhân nhượng trước sức ép bên ngoài để chịu thêm những cam kết WTO-cộng. Đồng thời, các thành viên Ban Công tác cần nhìn xa hơn lợi ích thương mại ngắn hạn, và trên tinh thần của Vòng Doha, cho phép Việt Nam gia nhập WTO trên những điều kiện có lợi cho sự nghiệp phát triển.

2. Những đe dọa hiện tại

Áp lực song phương

Năm 2004, Việt Nam ký sáu thỏa thuận song phương với Argentina, Braxin, Chile, Cuba, Liên minh châu Âu (EU) và Singapore – song song với các cuộc đàm phán đa phương. Điều không tránh khỏi là những thỏa thuận trong các cuộc đàm phán song phương đó sẽ được đa phương hóa theo quy tắc Tối huệ quốc (MFN) trong WTO. Theo quy tắc MFN, những điều kiện thương mại mà một quốc gia dành cho một quốc gia khác phải được áp dụng cho tất cả các đối tác thương mại WTO. Việt Nam hiện đang tham dự 21 cuộc đàm phán song phương với các nước, bao gồm Ôt-xtrây-li-a, Niu Dê-lân, Na Uy, Canada, Ấn Độ, Nhật Bản, Đài Bắc Trung Quốc, Hàn Quốc, Ai-xơ-len, Thụy Sĩ, Trung Quốc và Hoa Kỳ.⁴

Diễn đàn đàm phán song phương thường là gay go nhất cho các nước xin gia nhập, đặc biệt là những nước đang phát triển không mạnh về kinh tế và chính trị như Việt Nam. Việc thương lượng đầy áp lực không được tháo gỡ với sự hiện diện của các thành viên khác như trong đàm phán đa phương, và các cuộc nói chuyện đều cực kỳ bí mật, có nghĩa là ít có cơ hội cho quốc gia thành viên tương lai thảo luận nội dung và tìm kiếm hỗ trợ kỹ thuật từ một tổ chức bên ngoài như UNCTAD, hoặc tham vấn những bên có lợi ích thiết thân trong quá trình này, đặc biệt là đại diện các cộng đồng có nhiều khả năng chịu ảnh hưởng tiêu cực của kết quả đàm phán.

Hoa Kỳ được đặc biệt biết tới như một quốc gia chuyên đòi hỏi WTO-cộng trên bàn đàm phán song phương. Hầu như Hoa Kỳ luôn là người ký sau cùng một cuộc mặc cả song phương với nước xin gia nhập – như hiện nay với nước Nga – và do đó, là người thực sự nắm trong tay chìa khóa cánh cửa WTO. Vào cuối những cuộc đàm phán gia nhập kéo dài, vất vả kiệt sức, khi nước xin gia nhập mong muốn được kết nạp nhất, thì người ta được biết là chính lúc ấy, Hoa Kỳ mới đặt lên bàn đàm phán đòi hỏi lớn nhất của mình.

Chẳng hạn như trong một mưu đồ lung lạc những nhà thương thuyết Campuchia trong giai đoạn cuối của đàm phán gia nhập, Hoa Kỳ đã nêu ra một loạt những yêu cầu cho phía Campuchia chỉ một ngày trước cuộc gặp cuối cùng của Ban Công tác. Những yêu cầu này bao gồm việc Campuchia phải đăng tải trước tất cả các dự luật và quy tắc liên quan đến thương mại và WTO để mọi thành viên đều có thể nhận xét, và phải lập một website giới thiệu tất cả các luật lệ và quy định.

Phía Campuchia còn được yêu cầu là các hóa chất nông nghiệp và dược phẩm không được áp dụng thời kỳ quá độ dài hơn dành cho các nước kém phát triển (LDCs) trong thực thi hiệp định TRIPs. Bất hạnh là đòi hỏi cuối cùng đó đã được phía Campuchia chấp thuận như một cam kết (mặc dù sau đó có được thay đổi lại đối với dược phẩm); tuy nhiên, tất cả những điểm khác đều vẫn được giữ nguyên.

Các nước đã ký hiệp định song phương với Việt Nam cần ủng hộ Việt Nam trong diễn đàn đa phương chống lại tất cả những WTO-cộng đã được đề cập. Theo đó, EU chẳng hạn, có thể làm nhiều hơn để tạo thuận lợi cho một gói gia nhập có lợi cho phát triển của Việt Nam. 21 quốc gia còn lại đang đàm phán song phương với Việt Nam hãy ngừng đưa ra những đòi hỏi WTO-cộng có thể phương hại tới các mục tiêu phát triển của Việt Nam. Nhìn tổng quát, các cuộc đàm phán song phương liên quan tới gia nhập WTO cần minh bạch hơn, cho phép các nước xin gia nhập tìm kiếm tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật cho những đòi hỏi đối với họ.

Nông nghiệp

Nông nghiệp sử dụng 69 phần trăm lực lượng lao động của Việt Nam, và có 45 phần trăm số dân nông thôn sống dưới mức nghèo khổ. Quy mô trang trại chỉ có 0,7 héc-ta cho một hộ gia đình.⁵ Những yếu tố như mất mùa, hàng nông sản bị sụt giá do bị hàng nhập khẩu cạnh tranh là những đe dọa tiềm tàng đối với thu nhập của hàng triệu người dễ bị tổn thương. Các sản phẩm có tầm quan trọng đặc biệt đối với nông dân nghèo bao gồm đường, ngô, và một số sản phẩm động vật.

Nông dân trồng ngô và mía đường đặc biệt chịu bất trắc từ nhập khẩu giá rẻ do những sản phẩm này được trợ cấp rất cao của Hoa Kỳ và EU. Trong một động thái tiêu chuẩn kép đặc biệt nổi bật, các nước này đã yêu cầu Việt Nam giảm thuế quan và cắt trợ cấp nông sản khi gia nhập WTO, trong khi đó các trang trại trồng ngô ở Mỹ được trợ cấp mỗi năm khoảng 10 tỷ USD⁶, nông dân EU sản xuất đường hàng năm được trợ cấp một cách kín đáo 833 triệu Euro⁷ cho hàng xuất khẩu mà trên danh nghĩa là không được trợ cấp. Điều thiết yếu đối với Việt Nam là phải có khả năng bảo vệ những sản phẩm đó chống lại hàng nhập khẩu và chống lại tình trạng nhập khẩu tăng đột biến sau khi gia nhập, gây nên sụt giá và do đó làm giảm thu nhập.

Trong những điều kiện của gói gia nhập, Việt Nam đang tìm cách bảo vệ một số sản phẩm nói trên bằng việc áp dụng Hạn ngạch Thuế suất (Tariff Rate Quotas – TRQs). Một TRQ là một hạn ngạch cho một lượng nhập khẩu tại một mức thuế suất cụ thể. Một khi đã sử dụng hết hạn ngạch, mức thuế suất cao hơn sẽ được áp dụng cho lượng hàng

nhập thêm. TRQs căn bản là một bước trung gian để chuyển những hạn chế định lượng thành thuế. Đoạn 101 của Báo cáo Dự thảo tiết lộ rằng một số nước dưới sự dẫn dắt của Hoa Kỳ, Niu Dilân và Ôtxtrâyliã đã phản đối yêu cầu của Việt Nam trong việc sử dụng TRQs, với lý do nó đã “lỗi thời và [bóp méo] thương mại”. Thế nhưng TRQs là một công cụ hợp thức trong WTO; một số nước thành viên vẫn sử dụng nó, kể cả Đài Bắc Trung Quốc, gia nhập WTO năm 2002, và có tới 22 TRQs đối với các mặt hàng như sản phẩm thịt, sản phẩm sữa, trái cây và hạnh nhân, đường và gạo. Theo Hiệp định Nông nghiệp, Hoa Kỳ đã chuyển các biện pháp phi thuế quan trên 54 nông sản thành hạn ngạch thuế quan, bao gồm hạn ngạch với đường, bông vải, sản phẩm sữa và thịt.⁸

Trước đây, Việt Nam đã áp dụng TRQs cho bông vải, thuốc lá nguyên liệu, muối, sản phẩm sữa, trứng, và ngô, sau đó đã thôi áp dụng với bông, sữa chưa qua chế biến và ngô. Được biết một số thành viên trong Ban Công tác phản đối việc Việt Nam vận dụng TRQs, nếu Việt Nam muốn áp dụng công cụ này thì các sản phẩm đó phải được nằm trong danh mục ngay từ bây giờ thì mới mong có được cơ hội duy trì sau kết nạp. Trong quá trình đàm phán gia nhập, nước Nga muốn có quyền sử dụng TRQs và đã đấu tranh cho điều này ròng rã sáu năm qua mà không thành công. Cuối cùng, năm 2002, Nga quyết định đơn phương áp dụng TRQs đối với thịt bò, thịt heo và đường, quyết định này có khả năng là sẽ được chấp nhận trong gói gia nhập (mặc dù vẫn còn tiếp tục thương lượng). Điều quan trọng đối với Việt Nam là cần nhớ rằng không một quốc gia nào có được quyền áp dụng TRQs trong đàm phán gia nhập nếu các TRQs này không có sẵn từ trước.

Một phương tiện khác để bảo vệ các sản phẩm đó chống lại nhập khẩu tăng đột biến mà một số quốc gia đang phát triển trong WTO có thể áp dụng là công cụ Tự vệ Đặc biệt (SSG) có thể dưới cả hai hình thức hạn chế số lượng và các biện pháp đánh thuế bổ sung. Báo cáo Dự thảo cho biết một số thành viên của Ban Công tác cho rằng việc vận dụng SSG “không phải dành cho các nước xin gia nhập”. Bởi không có những quy tắc hướng dẫn tiến trình gia nhập, các thành viên Ban Công tác không thể quyết định những nước xin gia nhập có quyền gì và không có quyền gì. Quyền lợi và nghĩa vụ của các thành viên mới phải đặt trên cơ sở của những chỉ số phát triển.

Ngoài ra, một Cơ chế Tự vệ Đặc biệt (SSM) và một điều khoản dành cho các Sản phẩm Đặc biệt hiện đang được thương thảo trong phạm vi Vòng Doha với mục đích là để cho tất cả các nước đang phát triển được vận dụng. Các đoạn 42 và 43 của Hiệp định khung WTO tháng Bảy 2004 nêu rõ: “Nhận thấy sự cần thiết phải bảo đảm an ninh lương thực, an ninh sinh kế và nhu cầu phát triển nông thôn, các nước đang

phát triển sẽ có sự linh hoạt trong việc lựa chọn một số lượng nhất định các hạng mục thuế là Sản phẩm Đặc biệt (SP), theo những điều kiện sẽ được thoả thuận trong quá trình đàm phán. Không có yêu cầu mở rộng hạn ngạch thuế suất đối với các Sản phẩm Đặc biệt.” Hiệp định này còn qui định: “Một Cơ chế Tự vệ Đặc biệt” (SSM) sẽ được thiết lập để các nước đang phát triển sử dụng theo những điều kiện sẽ được nhất trí⁹. Việt Nam cần được quyền sử dụng tất cả các công cụ như các nước đang phát triển khác là thành viên WTO để có thể bảo vệ hơn nữa các lĩnh vực nông nghiệp dễ bị tổn thương.

Cuối cùng, đề nghị của Việt Nam trong việc giữ mức thuế nông nghiệp bình quân là 25,3 phần trăm không nên bị hạ thấp hơn nữa nếu muốn tránh những tổn hại cho sinh kế nông thôn. Mức đó đã thấp hơn mức 27 phần trăm hiện đang được áp dụng và thấp hơn mức của các nước thành viên WTO láng giềng và thành viên ASEAN như Indônêxia, Thái Lan và Philippin. Cả ba nước đó đều là thành viên Ban Công tác đàm phán gia nhập với Việt Nam, và có mức thuế nông nghiệp cam kết bình quân lần lượt là 48 phần trăm, 35 phần trăm và 34 phần trăm.¹⁰

Trợ cấp xuất khẩu

Trong Báo cáo Dự thảo, các thành viên Ban Công tác dưới sự dẫn dắt của Ôt-xtrâyli-a, Niu Dilân và Hoa Kỳ đã nói rất rõ là Việt Nam không nên được quyền sử dụng trợ cấp xuất khẩu cho các sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp khi được gia nhập WTO.

Đối với trợ cấp công nghiệp, Báo cáo Dự thảo cho biết có một thành viên thừa nhận rằng quy chế nước thu nhập thấp cho phép Việt Nam trợ cấp xuất khẩu theo hiệp định của WTO về Trợ cấp và Các Biện pháp Đối kháng (SCM), bởi phụ lục VII của SCM miễn trừ cho một số nước có tổng thu nhập quốc gia (GNP) trên đầu người dưới 1.000 USD khỏi những hạn chế sử dụng trợ cấp xuất khẩu. Tuy nhiên, một số thành viên khác tuyên bố Việt Nam phải dỡ bỏ những chương trình trợ cấp xuất khẩu khi trở thành thành viên của WTO. Tuy Việt Nam không có tên trong danh sách Phụ lục VII vì nước này không phải là thành viên WTO lúc bấy giờ, nhưng chẳng có lý do gì để Việt Nam không được bổ sung vào danh sách đó khi gia nhập WTO. Và mặc dù một số nước có thể lập luận rằng thời hạn cho phép trợ cấp xuất khẩu của các nước thành viên đang phát triển đã chấm dứt, thì Việt Nam vẫn cần được đàm phán một thời gian quá độ như các nước đang phát triển đã được hưởng sau khi WTO ra đời.

Trong vấn đề trợ cấp nông nghiệp, Việt Nam đứng là một trường hợp tiêu chuẩn kép điển hình khi đàm phán gia nhập. Trong lúc các nước

đang phát triển chỉ mới nhất trí gần đây là sẽ bỏ trợ cấp xuất khẩu (theo một khung thời gian còn chưa thỏa thuận), thì họ lại ép Việt Nam phải chấm dứt mọi trợ cấp xuất khẩu, kể cả chương trình thường xuất khẩu, ngay khi được kết nạp. Chẳng những không nên yêu cầu Việt Nam cam kết với mức cao hơn các thành viên là nước công nghiệp phát triển mà còn cần cho phép Việt Nam tối thiểu cũng phải có quyền như các thành viên là nước đang phát triển. Điều khoản 9.1 (d) và (e) của Hiệp định Nông nghiệp cho phép các nước đang phát triển duy trì một số hình thức trợ cấp xuất khẩu, và có thêm những sự linh hoạt khác đang ở trên bàn đàm phán Vòng Doha. Ví dụ, Khung tháng Bảy 2004 nói rằng “ Các thành viên quốc gia đang phát triển sẽ được lợi với thời gian thực thi việc xóa bỏ mọi hình thức trợ cấp xuất khẩu được kéo dài hơn”¹¹. Là một thành viên đang phát triển tiềm năng của WTO, không có lý do gì để Việt Nam không được tiếp cận quy tắc linh hoạt đó.

Cả những trợ cấp xuất khẩu nông nghiệp ghi trong Điều 9.1, và một thời hạn ít nhất là ba năm để xóa bỏ tất cả trợ cấp xuất khẩu khác, là những yêu cầu rất nhỏ bé, nên được cho phép mà không phải đàm phán gì thêm.

Kiểm soát xuất khẩu

Có sự bất đồng trong Ban Công tác về tính tương thích của việc Việt Nam kiểm soát xuất khẩu gạo với tư cách thành viên WTO. Trong Báo cáo Dự thảo, một số thành viên “không coi việc Việt Nam kiểm soát xuất khẩu, đặc biệt là gạo và gỗ là phù hợp với các điều khoản WTO”. Nói vậy là không đúng, bởi Việt Nam đã xóa bỏ hạn ngạch gạo năm 2001, và cơ chế kiểm soát linh hoạt hiện đang sử dụng là hoàn toàn phù hợp với Điều XI 2(a) của GATT 1994 về Loại bỏ Các hạn chế Định lượng, theo đó: “các điểm nêu trong đoạn 1 của Điều này sẽ không được mở rộng cho những nội dung sau đây: (a) Cấm hoặc hạn chế xuất khẩu tạm thời được áp dụng để ngăn ngừa hoặc làm dịu bớt sự thiếu thốn lương thực hoặc các sản phẩm khác thiết yếu đối với bên hợp đồng xuất khẩu.”¹²

Việt Nam cần có khả năng quản lý xuất khẩu gạo, điều có ý nghĩa sống còn đối với an ninh lương thực. Khả năng này bao gồm cả việc kiểm soát các công ty xuất khẩu gạo của nước ngoài trong trường hợp khẩn cấp hoặc khi dự trữ quốc gia sút giảm. Gạo chiếm tới 90 phần trăm tổng lượng lương thực sản xuất của Việt Nam, hơn 60 phần trăm đất nông nghiệp là dành cho sản xuất lúa, và hơn hai phần ba hộ gia đình canh tác ngũ cốc này.¹³

Hơn nữa, Nhật Bản – một thành viên WTO và là một nước công nghiệp phát triển, vẫn tiếp tục duy trì việc kiểm soát sản xuất và xuất khẩu gạo vì những lý do kinh tế-xã hội tương tự. Nhật Bản cũng có một số lớn những nhà sản xuất nhỏ có sinh kế phụ thuộc vào sản xuất gạo, nhưng bình quân diện tích canh tác của một hộ là 1,75 héc-ta¹⁴, gấp hơn hai lần quy mô của Việt Nam. Việt Nam cần có khả năng duy trì việc kiểm soát xuất khẩu gạo nhất quán với quy tắc hiện hành của WTO sau khi gia nhập tổ chức này.

Hàng dệt may

Đoạn 269 của Báo cáo Dự thảo cho biết việc tiếp cận thị trường phi hạn ngạch của hàng dệt may sau khi gia nhập đang được đàm phán với Việt Nam. Theo văn kiện này, hàng dệt may của Việt Nam sau khi gia nhập sẽ được miễn hạn ngạch như đối với tất cả các thành viên WTO khác, nhưng đồng thời lại mở ra cho ngành sản xuất này của Việt Nam một kịch bản cực kỳ tồi tệ. Các thành viên WTO có thể nhất mực đòi hỏi Việt Nam sau khi trở thành thành viên phải theo một thời hiệu 10 năm để dỡ bỏ hạn ngạch với hàng dệt may. Có nghĩa là Việt Nam sẽ thấy mình tụt lại sau các đối thủ cạnh tranh chính, đã là thành viên WTO, được hưởng lợi từ việc xóa bỏ hạn ngạch từ tháng Giêng 2005.

Hoa Kỳ và EU chiếm tới 70 phần trăm kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may hàng năm của Việt Nam. EU đã đồng ý xóa bỏ hạn ngạch hàng dệt may cho Việt Nam từ năm 2005, nhưng Hoa Kỳ vẫn không khoan nhượng¹⁵. Hạn chế bằng hạn ngạch sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tăng trưởng của một ngành công nghiệp chiếm tới 17 phần trăm tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam¹⁶. Ngành dệt may là một nguồn thu nhập và việc làm có ý nghĩa sống còn của Việt Nam, đặc biệt là đối với phụ nữ mà phần lớn là từ nông thôn – mặc dù các thông lệ không tốt về tuyển dụng và sự khước từ quyền lao động đã làm cho những lợi ích đó không phải lúc nào cũng đạt được. Việt Nam cần hết sức thận trọng khi thoả thuận văn kiện này, hiện đang nằm trong ngoặc của Báo cáo Dự thảo. Cần phải có thêm định nghĩa rõ ràng để bảo đảm rằng một trong những lợi ích lớn nhất của việc Việt Nam gia nhập WTO sẽ trở thành hiện thực. Hơn nữa, Hoa Kỳ nên theo EU bỏ hạn ngạch dệt may cho Việt Nam trong năm 2005.

Tiếp cận thị trường công nghiệp

Mức chào thuế công nghiệp gần đây nhất của Việt Nam vẫn được giữ nguyên là 17 phần trăm và không nên bị hạ thấp hơn nữa. Đề nghị này nên được xem xét trong bối cảnh của các cuộc đàm phán Vòng

Doha, tại đây cam kết mang tính ràng buộc thuế công nghiệp là một nhượng bộ từ bản thân các nước đang phát triển. Trong một thí dụ tiêu chuẩn kép nữa, các nước phát triển như Ôt-xtrây-li-a và Aix-ô-len không cam kết ràng buộc 100 phần trăm các hạng mục thuế, nhưng lại trông đợi Việt Nam phải làm như vậy như một điều kiện để được tham gia WTO.¹⁷

Việt Nam đang có mối quan ngại là ngành cơ khí của đất nước chưa đủ mạnh để duy trì sức cạnh tranh trong một thị trường tự do hóa toàn phần. Một mức ràng buộc thuế bình quân 17 phần trăm đã có thể đe dọa sự nghiệp phát triển và cắt đứt nguồn việc làm của công nhân Việt Nam. Là một quốc gia đang phát triển, Việt Nam cần có khả năng lựa chọn cam kết ngành nào và ở mức nào để bảo đảm những lĩnh vực chưa sẵn sàng tự do hóa có thể nhận được một mức bảo hộ nào đó và sẽ tự do hóa từng bước, phù hợp với những ưu tiên phát triển.

Chính sách phát triển vùng

Các thành viên Ban Công tác đường như coi các khuyến khích đầu tư cho các doanh nghiệp hoạt động ở các vùng khó khăn là một thứ trợ cấp xuất khẩu cần được xóa bỏ khi gia nhập WTO (Đoạn 188 của Báo cáo Dự thảo). Những khuyến khích này là các trợ cấp không dẫn đến hành động nhằm phát triển vùng (địa phương), do đó được WTO cho phép. Vùng khó khăn của Việt Nam bao gồm những vùng núi non hiểm trở, cư dân rất dễ bị tổn thương, nhất là những người dân tộc thiểu số. Những vùng này có xu hướng bị biệt lập và thiếu cơ sở hạ tầng, thiếu các dịch vụ xã hội cơ bản. Các dân tộc thiểu số chỉ chiếm có 14 phần trăm dân số, nhưng lại chiếm tỷ lệ đói nghèo rất cao. Tỷ lệ người nghèo trong các dân tộc thiểu số đã tăng từ 20 phần trăm năm 1993 lên đến 30 phần trăm năm 2002.¹⁸

Những khuyến khích cho các doanh nghiệp đầu tư vào các vùng khó khăn có thể mang ý nghĩa sống còn đối với sự tồn tại về phương diện kinh tế của các cộng đồng sống tại. Việt Nam đang đề nghị một thời lượng chín năm để chấm dứt các khuyến khích đầu tư ấy vì những lý do kinh tế-xã hội. Ít ra thì Ban Công tác cũng nên chấp nhận điều đó. Việt Nam lẽ ra phải có quyền, với tư cách một thành viên sắp tới của WTO, duy trì những khuyến khích đó mãi mãi.

Linh hoạt trong thực thi các hiệp định

Việt Nam đang chịu sức ép ngày một tăng là phải tuân thủ hoàn toàn các hiệp định rất tốn kém và rất phức tạp là Định giá Hải quan, Rào

cản Kỹ thuật Đối với Thương mại (TBT) và Biện pháp Vệ sinh và Kiểm dịch Động thực vật (SPS) khi được kết nạp. Theo Báo cáo Dự thảo (đoạn 203), nay Việt Nam đã đồng ý tuân thủ hiệp định TBT vào ngày gia nhập, không cần thời kỳ quá độ. Cam kết này của Việt Nam vượt quá các gói cam kết của những nước mới được kết nạp là Trung Quốc và Campuchia, cả hai đều giành được những thời kỳ quá độ ngắn. Mới đây các quan chức chính phủ Việt Nam cũng cho biết họ sẽ tuân thủ đầy đủ các hiệp định về Định giá Hải quan và SPS khi gia nhập.

Những cam kết trên đây quả là rất nặng nề, khi mà Việt Nam được Liên hợp quốc xếp vào quốc gia có thu nhập thấp, thuộc nhóm HIPC (nước nghèo nhiều nợ) và có ưu tiên ngân sách cho giảm nghèo, trong lúc đó Ngân hàng Thế giới ước tính các chi phí thực thi một hiệp định là 100 triệu USD.¹⁹ Dù sao, Việt Nam vẫn đang yêu cầu có sự hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện hiệp định. Sự hỗ trợ đó là thiết yếu, đặc biệt là với hiệp định SPS, theo đó sự tuân thủ đòi hỏi phải hài hòa các tiêu chuẩn quốc gia trong nông nghiệp và thủy hải sản. Đây sẽ là một thách thức to lớn cho những nhà sản xuất nghèo, nhất là ở vùng sâu vùng xa, và chắc chắn phải mất một thời gian để hoàn thành. Các nhà đàm phán Việt Nam nên tiến xa hơn và yêu cầu các hiệp định đó phải gắn với việc cung cấp hỗ trợ kỹ thuật.

Lạm dụng quy chế nền kinh tế phi thị trường và các biện pháp phòng thủ thương mại

Các thành viên WTO xếp Việt Nam vào loại nền kinh tế phi thị trường (NME). WTO cho phép các quốc gia thành viên sử dụng phương pháp tính linh hoạt để xác định xem có hiện tượng phá giá trong trường hợp nhập khẩu từ một nước có nền kinh tế phi thị trường. Có một lý do có thể chấp nhận được đối với cách làm này. Tuy nhiên, các thành viên WTO không nên viện dẫn quy chế NME để bào chữa cho chủ nghĩa bảo hộ chống những nền kinh tế cạnh tranh hơn. Việt Nam đã hai lần bị cáo buộc tằm bậy là bán “phá giá” các sản phẩm thủy hải sản vào thị trường Hoa Kỳ. Vụ cá da trơn và tôm chẳng qua chỉ là sự trừng phạt Việt Nam đã có một ngành công nghiệp nuôi trồng thủy sản cạnh tranh hơn.²⁰

Trong quá trình đàm phán gia nhập, Trung Quốc cũng bị coi là có nền kinh tế phi thị trường và buộc phải đồng ý - ngoài công thức NME để tính toán phá giá - với một loạt những biện pháp “tự vệ đặc biệt” chưa từng thấy:

“Tự vệ quá độ cụ thể cho sản phẩm”: Các thành viên WTO có thể ngăn chặn việc tăng nhập khẩu của Trung Quốc khi việc tăng nhập khẩu này có thể gây nên, hoặc đe dọa gây nên rối loạn thị trường cho những nhà sản xuất trong nước (có thời hiệu 12 năm tính từ ngày gia nhập WTO). Ngược lại, các quy tắc WTO đòi hỏi phải đưa ra bằng chứng có bị tổn thương trước khi các biện pháp tự vệ được thiết lập.

Tự vệ đặc biệt cho hàng dệt may: nếu một thành viên WTO tin rằng việc nhập hàng dệt may của Trung Quốc, do thị trường bị rối loạn, đã gây trở ngại cho việc phát triển có trật tự thương mại của các sản phẩm đó, thành viên ấy có thể đề nghị tham vấn với phía Trung Quốc. Tại thời điểm này, Trung Quốc phải đình hoãn việc chờ hàng đến quốc gia yêu cầu tham vấn (thời hiệu bảy năm sau gia nhập).

Chống phá giá: khả năng sử dụng một phương pháp NME đặc biệt để tính toán sự phá giá trong những trường hợp chống phá giá đối với các công ty Trung Quốc; cách làm này giảm bớt gánh nặng của việc phải trình chứng cứ phá giá (thời hiệu 15 năm sau khi được kết nạp).

Cơ chế xét duyệt quá độ: cho phép các thành viên WTO được quyền xem xét việc Trung Quốc thực thi các cam kết đưa ra trong gói gia nhập và báo cáo những thiếu sót cho Đại Hội đồng. Những xét duyệt này có thời hiệu tám năm sau gia nhập. Sau đó, đến năm thứ mười, sẽ có một tổng duyệt, hoặc có thể sớm hơn tùy quyết định của Đại hội đồng.

Báo cáo Dự thảo cho thấy mỗi đe dọa của những đòi hỏi tương tự đối với Việt Nam là rất hiện thực. Nay Việt Nam đã đồng ý với một cơ chế tự vệ khi thị trường rối loạn trong hiệp định thương mại song phương với Hoa Kỳ, tương tự như “tự vệ quá độ cụ thể cho sản phẩm” mô tả bên trên. Trong đoạn 377 của Báo cáo Dự thảo, một số thành viên đã yêu cầu Việt Nam cung cấp một bản sao Hiệp định Thương mại Song phương (BTA) với Hoa Kỳ cho Ban Công tác và làm rõ xem những điều khoản trong hiệp định đó sẽ được áp dụng đối với các thành viên WTO khác như thế nào. Do quy chế Tối huệ quốc (MFN) qui định là đối xử với một thành viên thế nào thì phải đối xử với tất cả các thành viên khác như vậy, điều nêu trên đã mở cửa cho tất cả điều khoản WTO-cộng đã nhất trí với Hoa Kỳ trong hiệp định song phương, bao gồm cả biện pháp tự vệ khi thị trường bị rối loạn.²¹

Kinh nghiệm của Trung Quốc sau ngày gia nhập cho thấy các nước rất chú ý khai thác những điều khoản đặc biệt đó. Một bài báo trên tờ BRIDGES Weekly Trade News Digest phát hiện rằng việc xóa bỏ hạn ngạch thương mại vào cuối năm 2004 đã thúc đẩy chính phủ Hoa Kỳ khởi động một tiến trình có khả năng dẫn đến những hạn chế định lượng nhập khẩu đối với một số sản phẩm của Trung Quốc. EU cũng

đang chuẩn bị để bảo vệ thị trường của mình, bằng cách áp dụng những biện pháp tương tự nếu cần thiết - mặc dù Peter Mandelson, Cao ủy Thương mại EU nói rằng hãy còn quá sớm để viện đến cơ chế tự vệ, bởi chưa có đủ dữ liệu để quyết định liệu rối loạn thị trường có khả năng xuất hiện hay không.

Tờ tin BRIDGES tường trình: “Các số liệu thống kê của Bộ Thương mại Hoa Kỳ công bố ngày 1 tháng Tư 2005 cho thấy nhập khẩu hàng dệt may Trung Quốc vào Hoa Kỳ tăng 63 phần trăm trong quý đầu 2005 so với cùng kỳ năm ngoái. Các số liệu đó củng cố cho các thống kê sơ bộ của tháng Giêng chỉ ra rằng đã có sự tăng lên đáng kể của xuất khẩu Trung Quốc sau khi bãi bỏ hạn ngạch hàng dệt may ngày 31 tháng Giêng năm 2004. Trước những số liệu thống kê mới đó, Ủy ban thực thi các hiệp định dệt may của Hoa Kỳ (CITA), một cơ quan liên bộ của chính phủ do Bộ Thương mại chủ trì, đã tuyên bố ngày 4 tháng Tư rằng Hoa Kỳ đang khởi động “các quy trình tự vệ để xác định xem liệu một số hàng dệt may nhập khẩu từ Trung Quốc có làm đảo lộn thị trường Hoa Kỳ hay không”.²²

Những công cụ tự vệ có khả năng triệt tiêu những lợi ích của quy chế Tối huệ quốc WTO trong một số ngành then chốt, giản đơn vì những ngành đó có sức cạnh tranh hơn. Sự tăng trưởng tiềm năng của các ngành công nghiệp chế tạo Việt Nam, như dệt may, có thể bị hạn chế nghiêm trọng, và theo đó, sẽ đánh mất cơ hội việc làm của hàng ngàn công nhân Việt Nam.

Thậm chí nếu Việt Nam nhận được lợi ích đầy đủ từ việc chấm dứt hạn ngạch hàng dệt may khi được kết nạp vào WTO, nhưng nếu Việt Nam phải tuân theo một cơ chế tự vệ đặc biệt về dệt may hoặc một cơ chế tự vệ quá độ cụ thể cho sản phẩm, thì những lợi ích của việc tiếp cận thị trường không hạn ngạch sẽ có thể bị mất. Các thành viên Ban Công tác không nên đưa các điều khoản kinh tế phi thị trường làm hạn chế các quyền Tối huệ quốc vào các điều kiện gia nhập của Việt Nam. Các điều khoản WTO-cộng về tự vệ thương mại chứa đựng trong hiệp định thương mại song phương với Hoa Kỳ không nên biến thành một bộ phận của gói gia nhập cuối cùng.

Sở hữu trí tuệ

Tiến trình gia nhập WTO thường được các thành viên WTO, nhất là Hoa Kỳ, sử dụng như một phương tiện để yêu sách bảo hộ bằng sáng chế vượt quá những quy định của Hiệp định TRIPs về các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại, bất chấp những hệ lụy về an ninh lương thực và sức khỏe của nhân dân. Theo quan điểm của

Oxfam, không nên yêu cầu Việt Nam đưa các biện pháp “TRIPs-cộng” làm một bộ phận của gói gia nhập.

Đoạn 359 của Báo cáo Dự thảo cho thấy rất có thể Việt Nam phải tham gia Liên hiệp Quốc tế về Bảo vệ các Giống cây trồng mới năm 1991 (UPOV), một liên hiệp hạn chế quyền của nông dân sử dụng các hạt giống do họ để dành từ vụ trước, bao gồm cả những giống gạo truyền thống, như vậy đe dọa cả đa dạng sinh học và an ninh lương thực. Công ước này không phải là một bộ phận của các quy định của WTO, nhưng đó lại là một điều kiện trong Hiệp định thương mại song phương với Hoa Kỳ, rằng Việt Nam phải là một bên ký kết UPOV. Việc tham gia vào các hiệp định sở hữu trí tuệ ngoài WTO do Hoa Kỳ dẫn dắt là một điều thường thấy trong các Hiệp định thương mại tự do. Không nên biến điều đó thành một đòi hỏi WTO-cộng tiêu chuẩn đối với các nước xin gia nhập.

Theo những điều khoản của Hiệp định song phương với Hoa Kỳ, Việt Nam cũng đã đồng ý các điều khoản TRIPs-cộng về việc hạn chế các dữ liệu trắc nghiệm lâm sàng đối với dược phẩm trong thời hạn năm năm. Điều đó có nghĩa là chính phủ Việt Nam không thể sử dụng các dữ liệu trắc nghiệm lâm sàng của công ty độc quyền sở hữu dược phẩm khi phê chuẩn thể phẩm tương đương. Kết quả là thuốc thể phẩm giá thấp có thể bị chặn lại không đến được thị trường trừ phi người sản xuất loại thuốc thể phẩm này lặp lại các trắc nghiệm lâm sàng tốn kém và mất thời giờ, hậu quả là người bệnh không tiếp cận được loại thuốc có giá chấp nhận được.

Tại đoạn 334 của Báo cáo Dự thảo, Việt Nam và các thành viên Ban công tác che đậy nhiều chi tiết về “bí mật của dữ liệu trắc nghiệm”, nhưng không rõ liệu dữ liệu trắc nghiệm có bị hạn chế nữa hay không. Theo những điều khoản gia nhập cũng như luật lệ của WTO, các dữ liệu trắc nghiệm lâm sàng dược phẩm phải được cung cấp cho chính phủ khi chính phủ phê chuẩn việc sản xuất các thể phẩm tương đương. Không nên buộc Việt Nam phải đa phương hóa kiểu cam kết WTO-cộng đưa ra trong các hiệp định song phương.

Những nghĩa vụ khác theo Doha

Các thành viên mới của WTO, không có ngoại lệ nào, phải cam kết tự do hóa nhiều hơn trong phần lớn, nếu không nói là tất cả, các lĩnh vực so với các thành viên hiện hữu. Trên lý thuyết, mức độ các cam kết tự do hóa đưa ra trong đàm phán gia nhập sẽ được công nhận mà không phải thương thảo thêm nữa. Tuy nhiên, trong thực tế thì không phải vậy. Khi một quốc gia đã vượt qua chặng đường khổ ải đàm phán gia nhập, đã phải chịu một loạt những cam kết WTO-cộng, thì họ vẫn

được trông đợi có thêm nhượng bộ đối với các thành viên hiện hữu. Trong phần lớn trường hợp, họ chẳng có gì nữa để nhân nhượng thêm.

Một nhóm bảy nước mới gia nhập gần đây cho ta một thí dụ hoàn hảo về khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành. Tuyên bố Doha nói rõ: “Chúng tôi cũng hoan nghênh việc kết nạp những thành viên mới kể từ lần họp trước, đó là Anbani, Croatia, Georgia, Jordan, Lithuania, Moldova và Oman, và ghi nhận những cam kết tiếp cận thị trường rộng rãi mà các nước đó đưa ra khi gia nhập.”²³ Thế nhưng, bất chấp sự thừa nhận đó, cả bảy nước sau khi gia nhập đều được yêu cầu nhượng bộ hơn nữa, mặc dù họ chẳng có gì mấy nữa để chào mời. Sáu trong bảy nước đã giảm thuế bằng 0 phần trăm đối với 50 phần trăm hạng mục thuế. Moldova đã tự do hóa 154 trên 156 tiểu mục dịch vụ.

Tuy nhiên, đã có một số dấu hiệu của thay đổi. Theo Phụ lục về Nông nghiệp trong Khung tháng Bảy 2004, “Những quan ngại đặc biệt của các nước mới gia nhập gần đây sẽ được giải quyết thông qua các điều khoản linh hoạt cụ thể.”²⁴ Người ta nghĩ rằng câu này chủ yếu là kết quả đàm phán của Trung Quốc, một quốc gia đã cam kết rộng rãi trong gói gia nhập. Mức độ và hiệu quả của những linh hoạt ấy còn phải chờ xem, nhưng chúng cần được áp dụng chung chứ không nên chỉ trong Hiệp định Nông nghiệp.

Nhiều nước đang phát triển là thành viên WTO đã phải chiến đấu với các cam kết tự do hóa gây phương hại tới các mục tiêu phát triển của họ. Việt Nam rồi cũng có thể nằm trong tình thế đó. Những điều khoản hiện hành của Khung tháng Bảy cần tiến xa hơn nữa, và những quốc gia thu nhập thấp và các nước kém phát triển mới gia nhập gần đây phải được miễn cam kết thêm nữa trong Vòng đàm phán Doha.

3. Khuyến nghị

Các thành viên WTO nên ngừng đưa ra những điều kiện nặng nề WTO-cộng trong đàm phán với Việt Nam mà có thể tác động tiêu cực đến đời sống của dân nghèo Việt Nam. Oxfam tin rằng gói gia nhập cần bao gồm các yếu tố sau:

- Thuế nông nghiệp không nên bị trói buộc ở mức bình quân thấp hơn 25 phần trăm, là mức chào mới nhất của Việt Nam, một mức đã đe dọa sinh kế của nông dân và công nhân nông thôn.
- Việt Nam cần có khả năng sử dụng tất cả các công cụ dành cho các nước đang phát triển là thành viên WTO để bảo vệ khu vực nông nghiệp dễ bị tổn thương. Các biện pháp đó bao gồm Hạn ngạch thuế suất (TRQ), điều khoản Tự vệ Đặc biệt (SSG) hiện hành của WTO và các điều khoản mới đang thương lượng tại WTO (Cơ chế Tự vệ Đặc biệt và Sản phẩm Đặc biệt).
- Khi được kết nạp, Việt Nam cần có khả năng duy trì kiểm soát xuất khẩu gạo hiện hành tương thích với WTO để bảo vệ an ninh lương thực.
- Không nên đòi hỏi Việt Nam phải đưa ra các cam kết về quy mô và thời gian giảm hỗ trợ nội địa và trợ cấp xuất khẩu, cho cả sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm công nghiệp, cao hơn mức mà các nước đang phát triển trong WTO đã cam kết hoặc mức đã được nhất trí trong các cuộc đàm phán WTO hiện hành. Cụ thể hơn là những khuyến khích đầu tư đối với các doanh nghiệp hoạt động ở những vùng khó khăn cần được cho phép dựa trên quan điểm đó là những trợ cấp không dẫn đến hành động cho phát triển vùng .
- Thuế công nghiệp không nên bị trói buộc ở mức trung bình thấp hơn 17 phần trăm là mức chào mới nhất của Việt Nam, một mức có thể làm mất việc làm trong khu vực chế tạo.
- Hoa Kỳ cần dỡ bỏ hạn ngạch đối với hàng dệt may của Việt Nam khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO, vì chế độ hạn ngạch này đã được xóa bỏ cho tất cả các quốc gia thành viên khác vào cuối năm 2004.
- Không nên đòi hỏi Việt Nam phải từ bỏ các công cụ chính sách có khả năng tăng cường tác động phát triển của đầu tư nước ngoài, như yêu cầu chuyển giao công nghệ.
- Đòi hỏi tuân thủ lập tức các hiệp định WTO như Hiệp định về Các biện pháp Vệ sinh và Kiểm dịch Động thực vật (SPS), Rào

cản Kỹ thuật đối với Thương mại và Định giá Hải quan phải được gắn với việc cung cấp hỗ trợ kỹ thuật để kéo dẫn chi phí thực thi và xây dựng năng lực kỹ thuật cần thiết.

- Các thành viên Ban công tác không nên gộp các điều khoản kinh tế phi thị trường khả dĩ hạn chế các quyền Tối huệ quốc (MFN).
- Các điều khoản WTO-cộng về sở hữu trí tuệ và tự vệ thương mại trong hiệp định thương mại song phương Việt Nam-Hoa Kỳ không nên trở thành bộ phận của gói gia nhập.

Trong tình hình có nhiều quan ngại đối với các cuộc đàm phán gia nhập WTO của Việt Nam và những trải nghiệm khắc nghiệt của các nước mới gia nhập gần đây, Oxfam tin rằng tiến trình gia nhập nên được kết cấu lại như sau:

- WTO cần đưa ra những hướng dẫn rõ ràng liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của các thành viên mới, dựa trên các chỉ số phát triển khách quan.
- Các nước đang phát triển xin gia nhập cần được hưởng sự “đãi xử đặc biệt và khác biệt” trong các Hiệp định WTO được cho các thành viên là quốc gia đang phát triển.
- Một panen (ban hoặc đoàn) chuyên gia sẽ quyết định liệu chế độ thương mại của quốc gia xin gia nhập có tương thích với các luật lệ hiện hành của WTO hay không, và khi nào thì điều khoản “kinh tế phi thị trường” đối với các nước xin làm thành viên sẽ được xoá bỏ.
- Các cam kết WTO-cộng đã được nhất trí trong các hiệp định thương mại song phương có thể đe dọa tới phát triển không nên được nghiêm nhiên “đa phương hóa” trong các gói đàm phán gia nhập.
- Các nước có thu nhập thấp và các nước kém phát triển mới gia nhập cần được miễn không phải cam kết hơn nữa theo Vòng đàm phán Doha.
- Các đàm phán song phương liên quan đến việc gia nhập WTO cần minh bạch hơn, cho phép các nước xin gia nhập tìm kiếm tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật để đáp ứng được những đòi hỏi đối với nước đó.

Chú thích

1 Viet Nam Development Report (Báo cáo Phát triển của Việt Nam), Báo cáo của các nhà tài trợ cho Cuộc họp Nhóm tư vấn Việt Nam, 2003.

2 Như trên

3 WTO, “Draft Report of the Working Party on the Accession of Viet Nam” (Báo cáo Dự thảo của Ban Công tác về Việc Gia nhập của Việt Nam), WT/ACC/SPEC/VNM/5, 22 tháng Mười một 2004.

4 Những nước này đều là thành viên của Ban Công tác, bao gồm Argentina, Australia, Brazil, Brunei, Bulgaria, Canada, Chile, Trung Quốc, Colombia, Croatia, Cộng hòa Dominic, Ai Cập, EU và các thành viên, Honduras, Hồng Kông Trung Quốc, Ai-xơ-len, Ấn Độ, Indônêxia, Nhật, Cộng hòa Triều tiên, Cộng hòa Kyrgyz, Malaixia, Maroc, Myanmar, Niu Dilân, Na Uy, Panama, Paraguay, Philippin, Ruman, Singapore, Thụy Sĩ, Đài Bắc Trung Quốc, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Hoa Kỳ, Uruguay.

5 “Đánh giá Tác động Nghèo khổ của Nghị trình Phát triển Doha: một nghiên cứu điển hình về Việt Nam”, Trung tâm vì Tiến bộ Nông thôn, Hà Nội, tháng Hai 2003, tr. 21.

6 Oxfam International, ‘Dumping Without Borders: How US Agricultural Policies are Destroying the Lives of Mexican Corn Farmers’ (‘Phá giá không biên giới: Chính sách Nông nghiệp của Hoa Kỳ đã Tàn phá Đời sống của Người trồng ngô Mêhicô như thế nào’, tháng Tám 2003.

7 Oxfam International, ‘Dumping on the World: How EU Sugar Policies Hurt Poor Countries’ (‘Phá giá trên thế giới: Chính sách EU về Mía đường Tác động xấu đến Các nước nghèo như thế nào’), tháng Tư 2004.

8 Hiệp định Thương mại Song phương Thái-Mỹ, tr. 24, Thailand Development Research Institute, tháng Giêng 2004.

9 WTO (2004) Văn bản của “Gói văn kiện tháng Bảy”, (www.wto.org/english/tratop_e/dda_e/draft_text_gc_dg_31july04_e.htm). Đây là một gói các hiệp định khung WTO được các thành viên nhất trí vào ngày Thứ Sáu 30 tháng Bảy, tiếp sau sự bế tắc của hội nghị Bộ trưởng tháng Chín 2003.

10 Oxfam International, ‘Extortion at the Gate: will Viet Nam join the WTO on pro-development terms’ (‘Gia nhập WTO: Liệu Việt Nam có giành được những điều kiện có lợi cho phát triển’), tháng Chín 2004, tr.19.

11 WTO (2004), Văn bản “Gói văn kiện tháng Bảy”, tài liệu đã dẫn.

12 WTO, “The General Agreement on Tariffs and Trade” (“Hiệp định chung về Thương mại và Thuế quan”), 1994, http://www.wto.org/english/docs_e/legal_e.htm#GATT94

13 Oxfam Anh và Oxfam Hồng Kông “Lúa gạo cho người nghèo”, tháng Chín 2001.

-
- 14 Sở Nghiên cứu Kinh tế của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, “Thông tin cơ bản về Nhật Bản”, 27 tháng Chín 2004, <http://www.ers.usda.gov/Briefing/Japan/basicinformation.htm>
- 15 Thông tấn xã Việt Nam, ‘EU xóa bỏ hạn ngạch hàng dệt may: cơ hội và thách thức mới’, 4 tháng Tư 2005, www.vnanet.com
- 16 Bản thống kê kinh tế-xã hội hàng tháng của UNDP, tháng Ba 2005.
- 17 Oxfam International, ‘Development under threat: how WTO trade talks could undermine the ability of poor countries to industrialise’ (‘Phát triển đang bị đe dọa: các cuộc đàm phán WTO có thể phương hại tới khả năng công nghiệp hóa của các nước nghèo như thế nào’) tháng Tư 2005.
- 18 Viet Nam Development Report, 2004.
- 19 Finger, J.M. và P. Schuler (1999) ‘Implementation of Uruguay Round Commitments: the Development Challenge’ (‘Thực thi các cam kết Vòng Uruguay: Thách thức đối với phát triển’), Tài liệu công tác của Ban nghiên cứu chính sách của WB.
- 20 ‘Extortion at the Gate’, tài liệu đã dẫn ở trên, tr. 15-16 và 24.
- 21 ‘Extortion at the Gate’, tài liệu đã dẫn ở trên, tr. 28-31
- 22 BRIDGES Weekly Trade Digest. Bộ 9, Số 11, 6 tháng Tư 2005, Trung tâm Quốc tế vì Thương mại và Phát triển Bền vững.
- 23 WTO, “Tuyên bố Doha”, WT/MIN(01)/DEC/1 – 20 tháng Mười một 2001.
- 24 WTO (2004), Văn bản của Gói văn kiện tháng Bảy”, tài liệu đã dẫn ở trên.

© Oxfam International tháng Tư 2005

Tài liệu này do Mary Kirkbride soạn thảo và là một cập nhật của Báo cáo số 67 “Extortion at the Gate: Will Viet Nam join the WTO on pro-development terms? (Bản dịch tiếng Việt: Gia nhập WTO: Liệu Việt Nam có giành được những điều kiện có lợi cho phát triển?), xuất bản trong tháng Mười 2004. Để có thêm thông tin về gói gia nhập, xem bài trước đó tại http://www.oxfam.org/eng/policy_pape.htm#2004.

Oxfam ghi nhận và cảm ơn Michael Bailey, Jennifer Brant, Lê Kim Dung, Titos Escuesta, Francis Perez và Steve Price-Thomas đã tham gia biên soạn tài liệu này. Đây là một phần trong loạt tài liệu được viết để tranh luận chủ đề chính sách phát triển và nhân đạo. Tài liệu này có thể được sử dụng cho các cuộc vận động, giáo dục và nghiên cứu, chỉ cần ghi rõ nguồn xuất xứ.

Để có thêm thông tin, xin liên hệ với advocacy@oxfaminternational.org

Oxfam International là liên minh của mười hai tổ chức hiện đang hoạt động tại hơn 100 quốc gia để tìm những giải pháp bền vững cho nghèo đói và bất công: Oxfam Mỹ, Oxfam Bỉ, Oxfam Canada, Oxfam Community Aid Abroad (Australia), Oxfam Đức, Oxfam Anh, Oxfam Hồng Kông, Intermón Oxfam (Tây Ban Nha), Oxfam Ailen, Novib Oxfam Hà Lan, Oxfam Niu Di-lân, và Oxfam Quebec. Để biết thêm thông tin có thể gọi điện thoại hoặc gửi thư cho các tổ chức này, hoặc truy cập www.oxfam.org.

Các Văn phòng Vận động Oxfam International:

Washington: 1112 16th St., NW, Ste. 600, Washington, DC 20036, USA.

Tel: +1.202.496.1170. E-mail: advocacy@oxfaminternational.org

Brussels: 22 rue de Commerce, 1000 Brussels, Belgium.

Tel: +322.502.0391. E-mail: luis.morago@oxfaminternational.org

Geneva: 15 rue des Savoises, 1205 Geneva, Switzerland.

Tel: 41.22.321.2371. E-mail: celine.charveriat@oxfaminternational.org

New York: 355 Lexington Avenue, 3rd Floor, New York, NY 10017, USA.

Tel: 1.212.687.2091. E-mail: nicola.reindorp@oxfaminternational.org

Tokyo: Oxfam Japan, Maruko-Bldg. 2F, 1-20-6, Higashi-Ueno, Taito-ku, Tokyo 110-0015, Japan.

Tel/fax: 81.3.3834.1556. E-mail: advocacy@oxfaminternational.org

<p>Oxfam Mỹ 26 West St. Boston, MA 02111-1206, USA Tel: +1.617.482.1211 E-mail: info@oxfamamerica.org www.oxfamamerica.org</p>	<p>Oxfam Hồng Kông 17/F, China United Centre 28 Marble Road, North Point, Hong Kong Tel: +852.2520.2525 E-mail: info@oxfam.org.hk www.oxfam.org.hk</p>
<p>Oxfam Bỉ Rue des Quatre Vents 60 1080 Brussels, Belgium Tel: +32.2.501.6700 E-mail: oxfamsol@oxfamsol.be www.oxfam.be</p>	<p>Oxfam Tây Ban Nha Roger de Llúria 15 08010, Barcelona, Spain Tel: +34.902.330.331 E-mail: info@intermonoxfam.org www.intermonoxfam.org</p>
<p>Oxfam Canada 250 City Centre Ave, Suite 400 Ottawa, Ontario, K1R 6K7, Canada Tel: +1.613.237.5236 E-mail: enquire@oxfam.ca www.oxfam.ca</p>	<p>Oxfam Ailen 9 Burgh Quay, Dublin 2, Ireland Tel: +353.1.672.7662 <u>Oxfam Northern Ireland</u> 52-54 Dublin Road, Belfast BT2 7HN, UK Tel: +44.28.9023.0220 E-mail: communications@oxfam.ie www.oxfamireland.org</p>
<p>Oxfam Community Aid Abroad 156 George St. (Corner Webb Street) Fitzroy, Victoria 3065, Australia Tel: +61.3.9289.9444 E-mail: enquire@caa.org.au www.caa.org.au</p>	<p>Novib Oxfam Hà Lan Mauritskade 9, Postbus 30919, 2500 GX, The Hague, The Netherlands Tel: +31.70.342.1621 E-mail: info@novib.nl www.novib.nl</p>
<p>Oxfam Đức Greifswalder Str. 33a 10405 Berlin, Germany Tel: +49.30.428.50621 E-mail: info@oxfam.de www.oxfam.de</p>	<p>Oxfam Niu Di-lân Level 1, 62 Aitken Terrace, Kingsland, Auckland, New Zealand <u>Postal address</u>: PO Box 68357, Auckland 1032, New Zealand Tel: +64.9.355.6500 (Toll-free 0800 400 666) E-mail: oxfam@oxfam.org.nz www.oxfam.org.nz</p>
<p>Oxfam Anh 274 Banbury Road Oxford, OX2 7DZ, UK Tel: +44.1865.311.311 E-mail: enquiries@oxfam.org.uk www.oxfam.org.uk</p>	<p>Oxfam Quebec 2330 rue Notre-Dame Ouest, Bureau 200 Montreal, Quebec, H3J 2Y2, Canada Tel: +1.514.937.1614 E-mail: info@oxfam.qc.ca www.oxfam.qc.ca</p>

Published by Oxfam International April 2005

Published by Oxfam GB for Oxfam International under ISBN 978-1-84814-316-6